TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** TỈNH ĐĂK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 13-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển

Ông Phạm Đình Bông

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà*:** Ông Mai Văn Hữu– Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:46/2019/ QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn H1 (tên gọi khác: J), sinh năm 1986 tại tỉnh Q; Nơi đăng ký HKTT: xã T , huyện T, tỉnh Quảng Bình ; Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; vợ là Đào Bảo N, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự về hành vi "Cố ý gây thương tích", bị phạt số tiền 2.500.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 20/QĐ-XPHC, ngày 21/3/2019, đã chấp hành xong. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2019 đến ngày 18/10/2019. Hiện đang tại ngoại theo Quyết định cho bảo lĩnh của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: B), sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019 đến ngày 20/7/2019, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Đặng Phụ T1. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người phiên dịch của Bị hại:*

1. Anh Hoàng A T2, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Anh Lý Kiềm P. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ , xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đàm Việt H2, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 1, xã D , huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Lê Thị Thúy V, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: thôn D, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

3. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

4. Anh Phạm Văn T3, sinh năm 1997. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn 9, xã Đ , huyện K, tỉnh Đắk Nông.

5. Anh Nguyễn Q, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

6. Bà Nguyễn Thị Y (mẹ bị cáo Nguyễn Văn C). Có mặt.

Địa chỉ: thôn Đ, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

7. Chị Đào Bảo N (vợ bị cáo Hoàng Văn H). Có mặt.

Địa chỉ: thôn K, xã Đ , huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 16/6/2019 anh Đặng Phụ T1 sau khi sử dụng xe càng *(Loại xe càng độ chế có đầu máy nổ màu cam và thùng xe được sơn màu xanh)* chở máy múc đến nhà anh Y'C để múc hố cà phê cho gia đình anh Y'C, anh T1 điều khiển xe càng về nhà anh Hoàng Văn K ở thôn Đ, xã T, huyện K để gửi xe trước sân nhà. Sáng 17/6/2019, do gia đình anh K có con nhỏ bị ốm, nên gia đình anh K đưa con đi bệnh viện ở TP. Hồ Chí Minh điều trị.

Khoảng 20 giờ ngày 17/6/2019, Nguyễn Văn C đến nhà Hoàng Văn H1 ở thôn K, xã Đ , huyện K chơi. Tại nhà H1 lúc này có Bùi Văn T4, Phạm Văn L, Phạm Văn T3 và Trịnh Duy T5. Trong lúc ngồi nói chuyện, H1 rủ cả bọn đi khai thác gỗ trên khu vực thuỷ điện N thuộc xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, thì tất cả đều đồng ý. H1 nói chưa có xe càng chở gỗ, nghe vậy C rủ Hoàng Văn H1 đi vào nhà anh Hoàng Văn K *(K là con nuôi của bố C)* để mượn xe càng, vì trước đó C thấy ở sân trước nhà anh K có chiếc xe càng, nhưng không biết là của ai. C chở H1 và

mang theo một can dầu mà H1 đã mua trước đó đến nhà anh K mượn xe. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, thì đến nhà anh K, nhưng không thấy có anh K ở nhà và nhà khoá cửa *(Do gia đình K đã đưa con đi điều trị bệnh ở TP. Hồ Chí Minh)*. C gọi điện cho anh K, nhưng không liên lạc được, nên C và H1 thống nhất lấy trộm chiếc xe càng trên để đi chở gỗ. H1 có gọi cho Phạm Văn T3 nói đã mượn được xe càng, và nói chờ ở ngã tư xã N. H1 nổ máy, điều khiển xe càng chở C đi về hướng xã Q , khi đến ngã tư xã N , thì gặp Phạm Văn T3, Phạm Văn L, Bùi Văn T4 và Trịnh Duy T5 đang đứng đợi, H1 và C xuống xe, lấy xe máy từ T3 chở C và T4 đi trước, còn Phạm Văn T3 điều khiển xe càng chở Trịnh Duy T5 và L đi sau. Khi đến khu vực cầu N thuộc xã Q, huyện K thì gặp H1, rồi cùng đi vào khu vực thuỷ điện N để làm gỗ. Sau khi sử dụng xe càng làm gỗ được 02 ngày, biết việc lấy xe càng tại sân nhà anh K không ai biết, C và H1 thống nhất sẽ bán chiếc xe càng lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Sáng ngày 20/6/2019 H1 gặp Nguyễn Q tại trung tâm thị trấn Đ, H1 nhờ Q tìm người bán giúp. Đến sáng ngày 21/6/2019 H1 chở Q đến khu vực thuỷ điện để xem xe, Q có sử dụng điện thoại để chụp hình chiếc xe càng lại rồi nhờ bạn gái là Lê Thị Thuý V đăng hình xe càng lên trang Facebook của V để tìm người mua. Sau đó anh Đàm Viết H2 hỏi mua và yêu cầu cho xem xe càng. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Hoàng Văn H1, báo về việc có người bên huyện K, tỉnh Đắk Lắk hỏi mua và yêu cầu xem xe. Do Q không biết chạy xe càng, nên vào chiều ngày 22/6/2019 Hoàng Văn H1 nhờ Phạm Văn T3 cùng Q điều khiển xe càng từ khu vực đập thuỷ điện xã N chạy theo Quốc lộ 27 tới xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và gửi chiếc xe càng ở sân nhà V . Đến ngày 26/6/2019 Q và anh Đàm Việt H2 thoả thuận mua xe càng với giá 57.000.000 đồng *(Năm mươi bảy triệu đồng)*. Tuy nhiên, Q có gọi điện thoại về báo giá bán chiếc xe càng cho Hoàng Văn H1 là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng*), Hoàng Văn H1 và C đồng ý bán.

Anh Đàm Việt H2 đã đưa cho Q số tiền mua xe càng thành 03 lần với tổng số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), Q đã đưa cho Hoàng Văn H1 và Nguyễn Văn C số tiền 38.000.000 đồng, còn Q giữ lại 14.000.000 đồng tiền công. Sau khi nhận tiền từ Q , Hoàng Văn H1 và C tự chia nhau, Hoàng Văn H1 được hưởng 16.500.000 đồng, C được hưởng số tiền 17.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/BB-KLĐG, ngày 18/7/2019 của hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Krông Nô xác định chiếc xe càng bị chiếm đoạt vào ngày 17/6/2019 có giá trị: 65.000.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe càng *(Loại xe càng độ chế có đầu máy nổ màu cam và thùng xe được sơn màu xanh).*

Cáo trạng số: 45/CTr-VKS ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Krông Nô và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Y , chị Đàm Bảo N trình bày tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Đặng Phụ T1 số tiền 30.000.000 đồng, anh T1 chấp nhận số tiền này và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Anh Đàm Việt H2 trình bày đã nhận lại bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 17.500.000 đồng, nhận lại của bị cáo Hoàng Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng, nhận lại của anh Q số tiền 8.000.000 đồng. Anh Đàm Việt H2 tự nguyện thỏa thuận với bị cáo H1 về thời hạn thanh toán số tiền còn lại là 6.500.000 đồng, anh không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án. Anh Đàm Việt H2 chỉ yêu cầu anh Nguyễn Q phải trả lại cho anh số tiền 6.000.000 đồng.

Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Gia đình bị cáo Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C đã bồi thường cho anh Đặng Phụ T1 số tiền 30.000.000 đồng, anh T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Buộc anh Nguyễn Q phải trả lại cho anh Đàm Việt H2 số tiền 6.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Quyết định xử lý đồ vật , tài liệu số 895, ngày 23/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả chiếc xe càng *(Loại xe càng độ chế thành bô lăng) có rơ móc màu cam xanh, máy nổ hiệu JIANG YANG màu đỏ (xe đã qua sử dụng) cho* chủ sở hữu là anh Đặng Phụ T1.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, ăn chơi nên khoảng 22 giờ 30 ngày 17/6/2019 lợi dụng chiếc xe càng của anh Đặng Phụ T1 gửi trong sân nhà anh Hoàng Văn K thuộc thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Nông không có người trông coi, Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C đã lén lút trộm cắp chiếc xe cày có giá trị 65.000.000 đồng mang đến xã N , huyện L , tỉnh Đắk Lắk cất giấu, sau đó nhờ Nguyễn Q bán cho anh Đàm Việt H2 tại xã D , huyện K , tỉnh Đắk Lắk lấy số tiền 48.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Như vậy, hành vi của Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C bị Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô , tỉnh Đắk Nông truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;..."

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra và nhân thân của các bị cáo:

[3.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy

tắc của cuộc sống; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án này khi thực hiện hành vi phạm tội, tuy các bị cáo có sự thống nhất nhưng hành vi của các bị cáo mang tính nhất thời, không có sự phân công trách nhiệm, không mang tính chuyên nghiệp, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, quy mô, tính chất của hành động giản đơn nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Hoàng Văn H1 có 01 tiền sự về hành vi "Cố ý gây thương tích", bị phạt số tiền 2.500.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 20/QĐ-XPHC, ngày 21/3/2019, đã chấp hành xong, do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Nguyễn Văn C .

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo Nguyễn Văn C ra đầu thú, các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng không cần phải cách ly các bị cáo cũng đảm bảo việc giáo dục và cải tạo các bị cáo, vì vậy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 1; Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Hoàng Văn H1 có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự , vì vậy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4]. Đối với Nguyễn Q là người môi giới bán xe cho anh Đàm Việt H2, quá trình điều tra không đủ tài liệu, chứng cứ khẳng định việc Nguyễn Q biết rõ tài sản trên là tài sản trộm cắp, không đủ căn cứ để xử lý Nguyễn Q hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Phạm Văn T3 là người được Hoàng Văn H1 nhờ điều khiển chiếc xe càng từ xã N đến xã D , huyện K , tỉnh Đắk Lắk để Q bán cho anh Đàm Việt H2 . T3 không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Do đó không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đàm Việt H2 khi mua chiếc xe càng không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có. Do đó không đủ căn cứ để xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1]. Quá trình điều tra thể hiện: ngày 29/7/2019, bà Nguyễn Thị Y , chị Đào Bảo N thỏa thuận tự nguyện bồi thường cho anh Đặng Phụ T1 số tiền 38.000.000 đồng, anh T1 đã nhận của gia đình bà Y số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 29/7/2019, nhận của chị N số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 30/7/2019. Sau đó bà Y có đơn yêu cầu anh T1 phải trả lại số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại bà Y tự nguyện bồi thường cho anh T1 . Ngày 25/9/2019, anh T1 có đơn yêu

cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 32.200.000 đồng, chấp nhận gia đình các bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, anh yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 2.200.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Y , chị Đàm Bảo N trình bày tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Đặng Phụ T1 số tiền 30.000.000 đồng, anh T1 chấp nhận số tiền này và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bị cáo tác động tích cực cho gia đình bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm vì vậy không xem xét xử lý.

[5.2]. Anh Đàm Việt H2 là người mua xe cày thông qua anh Nguyễn Q với số tiền 48.000.000 đồng, anh Đàm Việt H2 đã nhận lại bị cáo Nguyễn Văn C số tiền 17.500.000 đồng, nhận lại của bị cáo Hoàng Văn H1 số tiền 10.000.000 đồng, nhận lại của anh Q số tiền 8.000.000 đồng. Anh H2 tự nguyện thỏa thuận với bị cáo H1 về thời hạn thanh toán số tiền còn lại là 6.500.000 đồng, anh không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án. Anh Đàm Việt H2 chỉ yêu cầu anh Nguyễn Q phải trả lại cho anh số tiền 6.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của anh H2 có cơ sở nên cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc anh Nguyễn Q phải trả lại cho anh Đàm Việt H2 số tiền 6.000.000 đồng.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự . Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng là có căn cứ , đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 895, ngày 23/7/2019 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả chiếc xe càng *(Loại xe càng độ chế thành bô lăng) có rơ móc màu cam xanh, máy nổ hiệu JIANG YANG màu đỏ (xe đã qua sử dụng) cho* chủ sở hữu là anh Đặng Phụ T1 .

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, anh Nguyễn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H1 , Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 01 (một) năm tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2019 đến ngày 18/10/2019.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K , tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

3. Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Phụ T1 đã nhận lại tài sản, chấp nhận gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Áp dung Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc anh Nguyễn Q phải trả lại cho anh Đàm Việt H2 số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : chấp nhận Quyết định xử lý đồ vật , tài liệu số 895, ngày 23/7/2019 của cơ quan cảnh s át điều tra công an huyện Krông Nô trả chiếc xe càng *(Loại xe càng độ chế thành bô lăng) có rơ móc màu cam xanh, máy nổ hiệu JIANG YANG màu đỏ (xe đã qua sử dụng) cho* chủ sở hữu là anh Đặng Phụ T1 .

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án. Buộc bị cáo Hoàng Văn H1, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Nhi